

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2021
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị C, sinh năm 1960 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn B, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp TL, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị C trình bày: Bà và ông B kết hôn theo phong tục tập quán vào năm 1980, đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống ông B thường hay ghen tuông và có nhiều hành vi bạo lực gia đình, xúc phạm danh dự nhân phẩm đối với bà. Do đó, bà và ông B ly thân đã 06 năm nay không hàn gắn tình cảm được. Nay bà xác định mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên kiện xin ly hôn với ông B.

Quá trình chung sống bà và ông B có 04 con chung tên Phan Văn B, sinh năm 1981, Phan Ngọc H, sinh năm 1983, Phan Văn T, sinh năm 1986 và Phan Văn

T, sinh năm 1989. Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung bà xác định tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn B trình bày: Ông và bà C kết hôn năm 1980 đến nay không đăng ký kết hôn là đúng. Vợ chồng chung sống có 04 con chung thì không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Thời gian khoảng 5 - 6 năm nay bà C thường bỏ nhà đi, mỗi lần đi trên 01 tuần, khi về nhà ông bức bối có lớn tiếng, có đánh bà C nhưng không gây thương tích gì. Nay ông xác định mâu thuẫn không lớn, ông sẽ sửa đổi tính tình của mình nên yêu cầu hàn gắn để tiếp tục chung sống.

Về con chung, tài sản và nợ chung ông không có yêu cầu gì đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông B đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông B tự nguyện kết hôn năm 1980 và đến nay không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội, thì ông B và bà C kết hôn trước ngày 03/01/1987 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Về mâu thuẫn thì ông B và bà C xác định quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và hiện không còn sống chung với nhau thời gian đã 6 năm nay là thực tế đã xảy ra, được các bên đương sự thừa nhận. Thời gian gần đây trong cuộc sống vợ chồng ông B có nhiều hành vi bạo lực gia đình đối với bà C là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau công việc trong gia đình và không chung sống với nhau đã 06 năm nay, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, có cơ sở cho rằng đời sống hôn nhân giữa ông bà không còn hạnh phúc, mâu thuẫn là trầm trọng, mục đích của hôn nhân không còn đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà C và ông B có 04 con chung hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà C phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, theo quy

định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ cho bà là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C. Cho bà Ngô Thị C được ly hôn với ông Phan Văn B.

2. Án phí hôn nhân gia đình miễn toàn bộ cho bà C.

3. Bà C và ông B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên